

Vietnam Monthly Review

2019 M07

BSC Research

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11, Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Hồ Chí Minh

Tầng 9, 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3812 8885

Fax: +84 8 3812 8510

Kinh tế vĩ mô

- Chỉ số PMI tăng nhẹ từ mức 52.5 của tháng 06 lên mức 52.6 điểm trong tháng 7, và thấp hơn mức trung bình của năm 2018 là 53.7 điểm.
- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 7T2019 ước tính đạt 2,804.8 nghìn tỷ đồng, tăng 12.5% so với cùng kỳ năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá tăng 8.74%
- Trong 7 tháng, FDI đăng ký giảm 35.6% so với cùng kỳ năm trước trong khi vốn FDI giải ngân tăng 7.1% so với năm ngoái. Vốn FDI tập trung chủ yếu vào ngành công nghiệp chế biến chế, chế tạo.
- Tỷ giá USD liên ngân hàng giao động trong khoảng 23,260– 23,330 VND/USD, giảm nhẹ so với biên 23,350– 23,475 VND/USD trong tháng 06. Lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn ngắn hạn tiếp bắt đầu suy giảm vào cuối quý 2 trong khi lãi suất tại kỳ hạn trung hạn đi ngang.

Thị trường chứng khoán

- HSX và HNX có diễn biến tích cực. VN-Index chính thức tăng 41.7 điểm so với thời điểm cuối tháng trước (+4.39% MoM), (+8.9%YtD) và HNX-Index tăng 0.92 điểm (+0.89% MoM), (+1.51% YtD).
- Thanh khoản bình quân trên 2 sàn tăng 2.91% so với tháng 6/2019, và lên mức 4,206 tỷ đồng/ phiên và tương ứng với gần 180.5 triệu USD/phiên.
- Trong tháng 7, khối ngoại mua ròng trên sàn HSX 2,245 tỷ đồng, bán ròng 170 tỷ đồng trên sàn HNX.
- P/E của VN-Index tăng lên mức 16.70 tương ứng +4.19% MoM, +8.77% YtD và HNX-Index tăng lên mức 7.57 tương ứng +0.90% MoM, -10.69% YtD. So với tháng 6/2019, P/E của chỉ số VN-Index tụt xuống vị trí thứ 10 và HNX-Index tiếp tục giữ vị trí thứ 20 trong khu vực Châu Á.

Nhận định thị trường tháng 8

Mặc dù VN-Index có cơ hội vượt 1,000 điểm trong tháng 8 nhờ sự vận động của các cổ phiếu lớn, chúng tôi cho rằng các yếu tố hỗ trợ cho sự tăng trưởng bền vững của thị trường đang khá mờ nhạt. VN-Index nhiều khả năng sẽ có đợt điều chỉnh quay về 965 điểm, tạo nền giá và chờ thông tin hỗ trợ. Vùng vận động giá VN-Index tháng 8 từ 965 điểm - 1,015 điểm trong tháng 8. Trong tháng 8, BSC đưa ra 2 kịch bản như sau:

- Trường hợp tích cực, VN-Index giữ trên 965 điểm ở nhịp điều chỉnh sau khi kiểm tra hoặc vượt 1,000 điểm. Thanh khoản giữ ở mức yếu.
- Trường hợp tiêu cực, VN-Index có thể giảm dưới 950 điểm nếu có những thông tin bất lợi từ thế giới.
- Cổ phiếu khuyến nghị:**
 - Nhóm ngành và cổ phiếu được chúng tôi đánh giá khả quan trong Báo cáo triển vọng Ngành năm 2019 ([Link](#)) và Báo cáo triển vọng ngành quý II ([Link](#));
 - Nhóm cổ phiếu cải thiện mạnh và có triển vọng tích cực như Ngân hàng, Bán lẻ, các cổ phiếu đầu ngành;
 - Nhóm cổ phiếu hưởng lợi từ hồi phục giá NVL và giá dầu;
 - Các cổ phiếu có tính phòng thủ cao như Điện, Công nghệ thông tin – bưu chính, Tiêu dùng bán lẻ có mức tăng trưởng và cổ tức cao;
 - Về dài hạn, các cổ phiếu khuyến nghị của BSC sẽ được đề cập trong các Báo cáo chiến lược ngành quý III, các cổ phiếu có chuyển biến tốt được khuyến nghị trong Báo cáo TVĐT hàng tuần ([Link](#)) và Báo cáo cập nhật ngành/doanh nghiệp ([link](#)).

Danh mục-Invest:

Kết thúc tháng 7, danh mục Ngân hàng có mức tăng giá ấn tượng +4.95%, vượt trội so với mức tăng giá +2.70% của VNINDEX. Trong khi đó, danh mục Chiến tranh thương mại giảm -4.89%, tuy nhiên, những cổ phiếu trong danh mục đều có triển vọng tích cực (xem chi tiết tại trang 25).

Bức tranh vĩ mô tháng 07/2019

Tăng trưởng kinh tế

- Chỉ số PMI tăng nhẹ từ mức 52.5 của tháng 06 lên mức 52.6 điểm trong tháng 7, và thấp hơn mức trung bình của năm 2018 là 53.7 điểm.

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 7/2019 ước tính tăng 5.9% so với tháng trước và tăng 9.7% so với cùng kỳ năm trước, trong đó ngành khai khoáng tăng 4.4%; chế biến, chế tạo tăng 10.4%; sản xuất và phân phối điện tăng 10.5%; cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 7.4%. Tính chung 7T2019, IIP ước tính tăng 9.4% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn mức tăng 10.3% của cùng kỳ năm 2018.

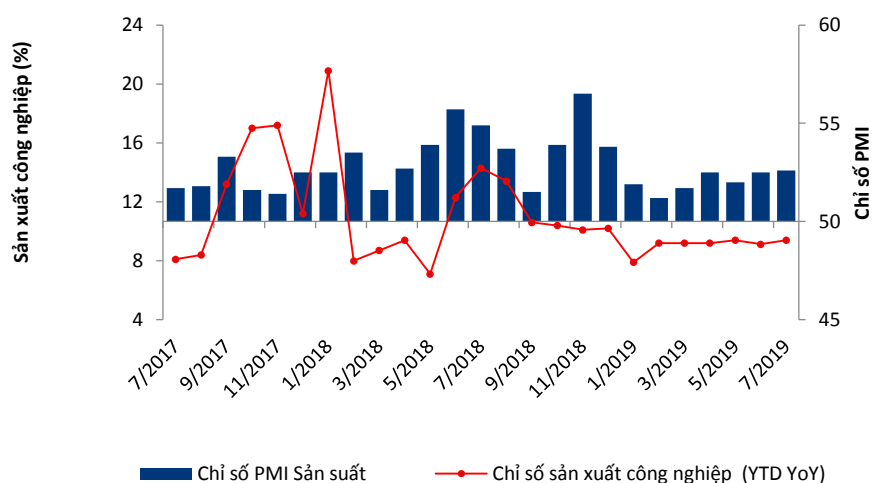
Trong các ngành công nghiệp cấp II, top 3 ngành có chỉ số sản xuất tháng 07 tăng cao so với cùng kỳ năm trước: Sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế tăng 48%; sản xuất kim loại tăng 40.6%; khai thác quặng kim loại tăng 16.8%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 15.6%.

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu 7 tháng đầu năm nay tăng cao so với cùng kỳ năm trước: Sắt, thép thô tăng 57.1%; xăng, dầu tăng 45.1%; tivi tăng 23.9%; khí hóa lỏng (LPG) tăng 16.4%; thức ăn cho thủy sản tăng 14.8%; sơn hóa học tăng 13.4%; điện thoại di động tăng 12.7% (điện thoại thông minh tăng 15.2%).

Một số sản phẩm tăng giảm: phân hỗn hợp NPK giảm 3.3%; dầu thô khai thác giảm 6.9%; xe máy giảm 8.7%; linh kiện điện thoại giảm 15.1%; đường kính giảm 16.9%.

Đồ thị 1

Chỉ số sản xuất công nghiệp & PMI



Nguồn: GSO, Markit, BSC Research

Chỉ số PMI tăng nhẹ từ mức 52.5 của tháng 06 lên mức 52.6 điểm trong tháng 7, và thấp hơn mức trung bình của năm 2018 là 53.7 điểm. Kết quả chỉ số cho thấy các điều kiện kinh doanh tiếp tục cải thiện. Lĩnh vực sản xuất của Việt Nam tiếp tục có kết quả hoạt động khả quan vào đầu quý 3 của năm, với số lượng đơn đặt hàng mới và sản lượng tiếp tục tăng. Tuy nhiên, tốc độ tạo thêm việc làm đã chậm lại. Giá cả đầu vào cũng tăng chậm hơn trong tháng 7, với áp lực chi phí giảm bớt đã giúp giá bán hàng có thêm một tháng giảm. Cụ thể:

- Sản lượng ngành sản xuất đã tăng mạnh trong tháng 7, với tốc độ tăng nhanh hơn tháng thứ ba liên tiếp thành mức nhanh nhất kể từ tháng 11 năm ngoái. Các công ty cho thấy họ có thể theo đuổi các kế hoạch sản xuất, với việc số lượng đơn đặt hàng mới tăng góp phần làm tăng sản lượng. Tuy nhiên, tốc độ tăng số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới đã chậm lại thành mức yếu nhất trong 44 tháng khi quan hệ thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc tiếp tục căng thẳng.
- Số lượng đơn đặt hàng mới đã tạo thêm áp lực cho công suất của các nhà sản xuất Việt Nam. Lượng công việc tồn đọng đã tăng tháng thứ hai liên tiếp. Các công ty đã đáp ứng nhu cầu từ thị trường bằng cách tuyển thêm nhân viên lần thứ ba trong bốn tháng qua. Tuy nhiên, tốc độ tạo thêm việc làm khá yếu và là mức yếu hơn so với tháng 6.
- Tốc độ tăng chi phí đầu vào đã chậm lại tháng thứ ba liên tiếp trong tháng 7, với một số thành viên nhóm khảo sát cho biết Trung Quốc là nhân tố góp phần làm giá cả giảm. Áp lực chi phí tương đối nhỏ đã giúp các nhà sản xuất duy trì chính sách giá cả cạnh tranh vào đầu quý 3, với giá bán hàng giảm tháng thứ tám liên tiếp.
- Kỳ vọng tăng số lượng đơn đặt hàng mới trong 12 tháng tới tiếp tục giúp các nhà sản xuất lạc quan rằng sản lượng sẽ tăng trong năm tới. Mức độ lạc quan đã tăng so với tháng trước, với hơn nửa số người trả lời khảo sát lạc quan về triển vọng 12 tháng.
- Hoạt động mua hàng hóa đầu vào tăng mạnh và gần như ngang bằng với tháng trước. Mặc dù hoạt động mua hàng tăng mạnh, hàng tồn kho trước sản xuất hầu như không thay đổi khi hàng hóa đầu vào đã được sử dụng để hỗ trợ sản xuất. Trong khi đó, hàng tồn kho thành phẩm tăng nhẹ, từ đó kết thúc thời kỳ giảm giá kéo dài hai tháng.

Mức độ lạc quan trong kinh doanh đã được cải thiện tháng thứ ba liên tiếp thành mức cao nhất kể từ tháng 11 năm ngoái. Sự lạc quan về tăng trưởng sản lượng phản ánh kỳ vọng tăng số lượng đơn đặt hàng mới và việc đưa ra các sản phẩm mới.

Bên cạnh đó, chỉ số PMI của Trung Quốc đã tăng nhẹ trở lại mức 49.7 từ mức 49.4 trong tháng 06 nhưng vẫn nằm trong vùng suy thoái. Chỉ số PMI tăng trở lại nhờ lượng hàng hóa xuất khẩu hồi phục trong giai đoạn hòa hoãn giữa chiến tranh thương mại Mỹ-Trung. Nhưng PMI đã nằm ở vùng suy thoái trong 3 tháng liên tiếp cũng là tín hiệu báo động của nền kinh tế Trung Quốc. Sự suy yếu của nền kinh tế Trung Quốc đang tạo lợi thế đàm phán cho tổng thống Trump trong các cuộc họp tiếp theo vào tháng 09.

Lạm phát

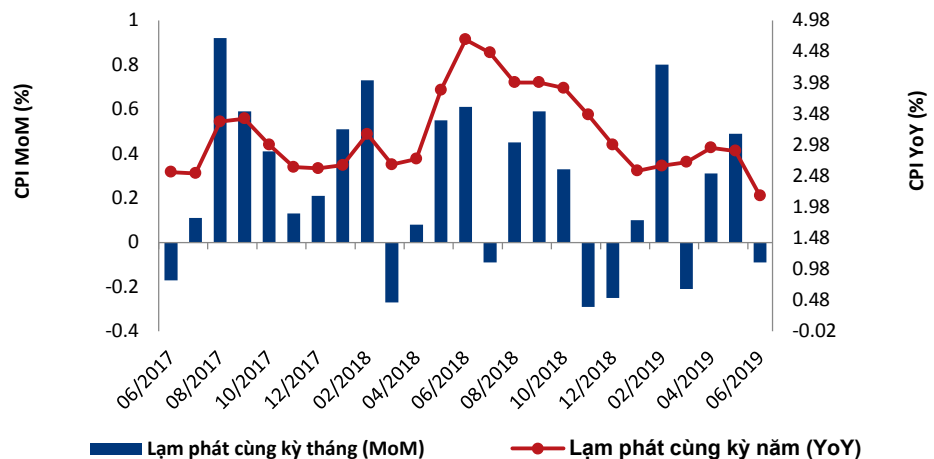
- CPI tháng 07 tăng +0.18% so với tháng 06 trong đó CPI của 9/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tháng 7 tăng so với tháng trước.

Chỉ số giá tiêu dùng CPI của tháng 07 tăng 0.18% so với tháng trước, và tăng 2.44% so với cùng kỳ năm 2018. Lạm phát cơ bản tháng 7/2019 tăng 0.23% so với tháng trước và tăng 2.04% so với cùng kỳ năm trước.

CPI bình quân 7 tháng đầu năm 2019 tăng 2.74% so với bình quân năm 2018. Lạm phát cơ bản bình quân 7 tháng đầu năm nay cũng tăng 1.85% so với bình quân cùng kỳ năm 2018.

Đồ thị 2

Diễn biến CPI tháng



Nguồn: GSO, BSC Research

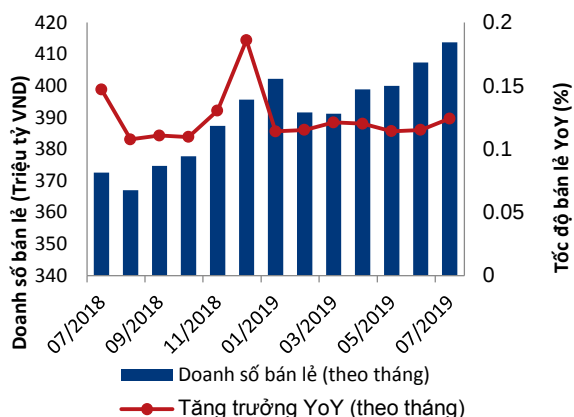
Trong tháng 07, chỉ số giá của 9/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ ghi nhận tăng giá. Biến động của CPI trong tháng được gây ra bởi những nguyên nhân sau:

- Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống có mức tăng cao nhất 0.33%**, trong đó nhóm bột mì và bột ngũ cốc khác tăng 1.99% và giá thịt lợn tăng 0.81% so với tháng trước do dịch tả lợn châu Phi khiến nguồn cung giảm.
- Nhóm giáo dục tăng 0.22%** do một số địa phương thực hiện tăng học phí năm học mới 2019-2020 theo lộ trình của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015.
- Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0.15%.**

Giá một số nguyên liệu đầu vào có xu hướng tăng trở lại; mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang tăng từ ngày 1/7/2019; diễn biến phức tạp của dịch tả lợn châu Phi là những yếu tố chủ yếu gây biến động giá CPI trong tháng 07. Mức tăng bình quân 7 tháng cũng chỉ tăng 2.61% so với cùng kỳ 2018, đồng thời là mức tăng bình quân 7 tháng thấp nhất trong 3 năm gần đây.

Đồ thị 3

Doanh số bán lẻ



Nguồn: GSO, BSC Research

Bảng 1

Tăng/giảm CPI các nhóm hàng hóa dịch vụ trong tháng

TT	Nhóm hàng hóa, dịch vụ	So với tháng trước (điểm %)	So với cùng kỳ (điểm %)
1	Hàng ăn và dịch vụ ăn	0.05	3.4
2	Giao thông	-0.05	2.28
3	Thuốc & dịch vụ y tế	-0.06	-0.31
4	Nhà ở & VLXD	1.28	4.21
5	Văn hóa giải trí	0.1	1.97
6	Đồ uống, thuốc lá	0.18	1.88
7	May mặc, mũ nón, giày	0.12	1.79
8	Thiết bị đồ dùng gia đình	0.11	1.32
9	Giáo dục	0.05	6.17
10	Bưu chính viễn thông	-0.05	-0.69
11	Khác	0.13	2.41

Nguồn: GSO, BSC Research

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 7/2019 ước tính đạt 415.1 nghìn tỷ đồng, tăng 1.7% so với tháng trước và tăng 12.4% so với cùng kỳ năm 2018.

Doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 312.2 nghìn tỷ đồng, tăng 1.8% và tăng 13.4%; doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống đạt 51 nghìn tỷ đồng, tăng 1.4% và tăng 11%; doanh thu du lịch lữ hành đạt 3.9 nghìn tỷ đồng, tăng 1.5% và tăng 7.8%; doanh thu dịch vụ khác đạt 48 nghìn tỷ đồng, tăng 1.2% và tăng 8.4%.

Tính chung 7 tháng đầu năm 2019, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước tính đạt 2,804.8 nghìn tỷ đồng, tăng 12.5% so với cùng kỳ năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá tăng 8.74% (cùng kỳ năm 2018 tăng 8.72%).

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)

- FDI đăng ký đạt 11.7 tỷ đô và giảm 35.6% so với cùng kỳ năm trước trong khi vốn FDI giải ngân đạt 10.6 tỷ đô và tăng 7.1% so với năm ngoái.
- Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tập trung chủ yếu vào ngành công nghiệp chế biến, chế tạo khi ngành này chiếm đến 73.2% tổng vốn đăng ký.

Tổng vốn FDI đăng ký mới và tăng thêm đến hết 20/07/2019 của 2,064 dự án (+24.6% YoY) đạt 8.27 tỷ USD (-37.4% YoY), cộng với 3.43 tỷ USD vốn đăng ký điều chỉnh của 791 dự án đã cấp phép trong các năm trước. Như vậy, tổng số vốn FDI đăng ký cấp mới và vốn tăng thêm đạt 11.7 tỷ USD (-35.6% YoY).

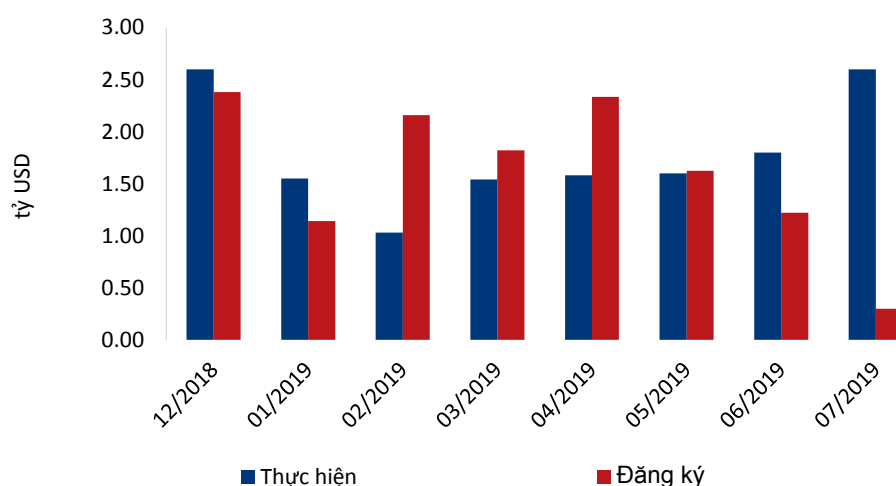
Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện 7 tháng ước tính đạt 10.6 tỷ USD, tăng 7.1% so với cùng kỳ năm 2018.

Trong 7T2019, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài lớn nhất với số vốn đăng ký của các dự án được cấp phép mới đạt 6.06 tỷ USD, chiếm 73.2% tổng vốn đăng ký cấp mới; ngành hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 842.7 triệu USD, chiếm 10.2%; các ngành còn lại đạt 1,370.7 triệu USD, chiếm 16.6%.

Nếu tính cả vốn đăng ký bổ sung của các dự án đã cấp phép từ các năm trước thì vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong 7 tháng đạt 9.08 tỷ USD, chiếm 77.6% tổng vốn đăng ký; ngành hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 716.1 triệu USD, chiếm 6.1%; các ngành còn lại đạt 1.9 tỷ USD, chiếm 16.3%.

Đồ thị 4

Vốn FDI (tỷ USD)



Nguồn: GSO, BSC Research

Top 3 khu vực thu hút FDI đăng ký cả nước: Bình Dương (766.2 triệu USD – 9.3%), TPHCM (688.7 triệu USD – 8.3%), Tây Ninh (599.4 triệu USD – 7.25%).

Trong 7T2019, Trung Quốc là nhà đầu tư trực tiếp lớn nhất vào Việt Nam với số vốn đầu tư 1.78 tỷ USD, chiếm 21.6% tổng vốn đăng ký cấp mới; theo sát phía sau là Hàn Quốc với 1.47 tỷ USD, chiếm 17.8% và Nhật Bản với 1.12 tỷ USD, chiếm 13.6%.

Thương mại, Xuất nhập khẩu

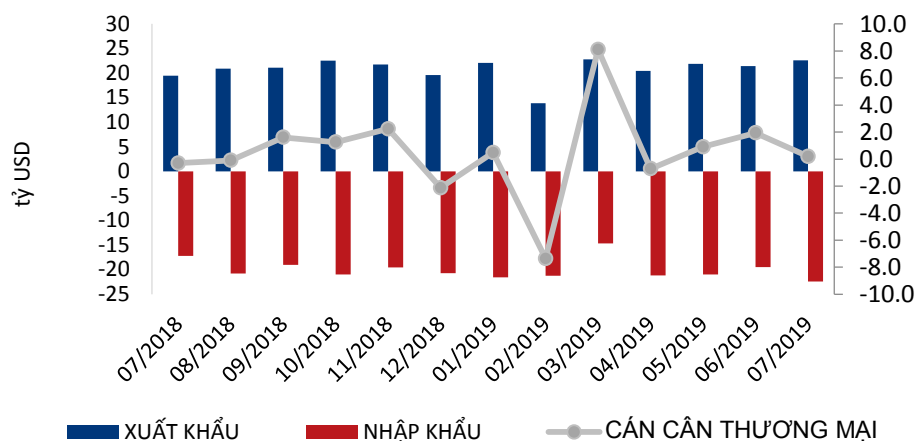
- Cán cân thương mại tháng 07 ước tính xuất siêu 200 triệu USD
- Tính chung 7 tháng đầu năm xuất siêu 1.8 triệu USD, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 16.8 tỷ USD và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 18,6 tỷ USD.

Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu tháng 07 ước đạt 22.6 tỷ USD, tăng 5.5% so với tháng trước, và tăng 9.3% so với cùng kỳ 2018, trong đó khu vực kinh tế trong

nước đạt 6.99 tỷ USD, tăng 2.4% so với tháng trước và 16.4% so với cùng kỳ năm trước; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 15.61 tỷ USD, tăng 6.9% so với tháng trước, và tăng 6.1% so với cùng kỳ năm trước.

Đồ thị 5

Xuất nhập khẩu (tỷ USD)



Nguồn: GSO, BSC Research

Tính chung 7 tháng đầu năm 2019, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu ước tính đạt 145.13 tỷ USD, tăng 7.5% so với cùng kỳ năm 2018, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 44 tỷ USD, tăng 12.2% YoY; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 101.13 tỷ USD, tăng 5.6% YoY. Từ đầu năm đến 15/07, điện thoại linh kiện điện nằm ở vị trí đứng đầu, đạt 25.2 tỷ USD (-4.9% YoY), tốc độ xuất khẩu tiếp tục chậm lại do hoạt động kinh doanh của Samsung tiếp tục gặp khó khăn và chững lại. Tiếp đến, Điện tử máy tính tăng trưởng +4.6% đạt mức 16.94 tỷ. Dệt may ở vị trí thứ 3 đạt mức 16.63 tỷ (+0.2%).

Bảng 2

Top 10 mặt hàng xuất khẩu.

STT	Mặt hàng xuất khẩu	Kim ngạch (tỷ USD)	%So với cùng kỳ năm trước
1	Điện thoại, linh kiện	25.21	-4.9%
2	Điện tử máy tính	16.94	4.6%
3	Dệt may	16.63	0.2%
4	Giày dép	9.49	3.5%
5	Máy móc, thiết bị khác	8.90	-2.0%
6	Gỗ & SP từ gỗ	5.22	7.2%
7	PT vận tải & phụ tùng	4.60	-1.3%
8	Thủy sản	4.25	-10.1%
9	Sắt thép	2.33	-9.1%
10	Máy ảnh, quay phim	2.23	-6.1%

Nguồn: GSO, BSC Research

Bảng 3

Top 10 hàng hóa nhập khẩu

STT	Mặt hàng NK	Kim ngạch (tỷ USD)	%So với cùng kỳ năm trước
1	Điện tử, máy tính	26.23	10.7%
2	Máy móc, thiết bị	19.23	3.9%
3	Vải	7.14	-3.8%
4	Điện thoại, linh kiện	6.44	-12.9%
5	Sắt thép	5.25	-9.5%
6	Chất dẻo	4.78	-6.2%
7	Kim loại khác	3.43	-26.5%
8	SP chất dẻo	3.34	0.9%
9	NPL dệt may giày dép	3.20	-4.0%
10	Xăng dầu	2.92	-44.2%

Nguồn: GSO, BSC Research

Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu tháng 07 ước đạt 22.4 tỷ USD, tăng 14.9% so với tháng trước, và tăng 5% so với cùng kỳ 2018. Trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 9.3 tỷ USD, tăng 14.2% so với tháng trước; và tăng 14.8% so với cùng kỳ năm trước. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 13.1 tỷ USD, tăng 15.4% so với tháng trước, và giảm 1% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung 7T2019, kim ngạch hàng hoá nhập khẩu ước tính đạt 143.34 tỷ USD, tăng 8.3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 60.93 tỷ USD, tăng 12.6 YoY%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 82.51 tỷ USD, tăng 5.3 YoY%. Đầu năm đến 15/07, các mặt hàng nhập khẩu trong tháng 07 có kim ngạch lớn gồm điện tử máy tính đạt mức 26.23 tỷ USD (+10.7% YoY), máy móc thiết bị 19.23 tỷ USD (+3.9% YoY), vải đạt 7.14 tỷ USD (-3.8% YoY). Nhóm hàng xăng dầu tiếp tục duy trì đà giảm mạnh từ đầu năm do nhà máy lọc dầu Nghi Sơn đã đi vào hoạt động làm giảm tỷ trọng dầu nhập khẩu trên thị trường.

Tốc độ tăng trưởng của các nhóm hàng hóa xuất khẩu và nhập khẩu đều suy giảm so với năm trước. Nguyên nhân suy giảm chủ yếu do nhóm ngành công nghiệp chế biến chế tạo của Việt Nam cũng đã đạt đến mức sản xuất tối đa. Trong báo cáo PMI, tốc độ tăng trưởng về số lượng đơn đặt hàng tăng khá mạnh và tạo áp lực khá lớn lên các doanh nghiệp khiến họ buộc phải gia tăng thêm lượng nhân viên lên tối đa. Nhóm hàng hóa đầu tư cơ bản đã tăng trưởng mạnh trong tháng 05 và tháng 06 cho thấy hoạt động đầu tư gia tăng công suất sản xuất đang được thực hiện. Ngoài ra, việc tổng thống Trump yêu cầu các nước Đông Nam Á thắt chặt kiểm định hàng hóa Trung Quốc đội lốt các quốc gia khác xuất khẩu sang Mỹ cũng sẽ kéo xuống tốc độ tăng trưởng hàng hóa xuất nhập khẩu.

Thị trường ngoại hối

- Tỷ giá trong tháng 7 duy trì xu hướng đi ngang từ cuối quý 2 sau khi FED chiến tranh thương mại Mỹ-Trung có dấu hiệu hòa hoãn và FED hoãn lại quyết định cắt giảm mức lãi suất.
- Vận động của tỷ giá trong quý III sẽ phụ thuộc lớn vào tiến trình của cuộc đàm phán thương mại Hoa Kỳ-Trung Quốc trong giai đoạn tới và động thái của FED trong kỳ họp tháng tới.
- Áp lực tăng tỷ giá có thể xuất hiện trở lại khi chỉ số Dollar Index gần trở về vùng đỉnh 2 năm trong vùng 99-100. Hiện tượng này sẽ tạo áp lực lên Việt Nam Đồng trên thị trường ngoại tệ trong quý tới.

Tỷ giá trung tâm trong tháng 07 dao động trong khoảng 23,051 – 23,085 VND/USD, tăng so với mức biên 23,050– 23,075 VND/USD trong tháng 06. Mức trung bình trong tháng là 23,069 VND/USD. Ngày 30/07, tỷ giá đang giao dịch tại mức giá 23,085, tăng +1.1% YTD và +2.9% YoY.

Tỷ giá liên ngân hàng trong tháng 07 dao động trong khoảng 23,260– 23,330

VND/USD, giảm nhẹ so với biên độ 23,350– 23,475 VND/USD trong tháng 06. Mức trung bình trong tháng là 23,284 VND/USD. Ngày 30/07, tỷ giá đang giao dịch tại mức giá 23,260, tăng +0.1% YTD và giảm -0.1% YoY.

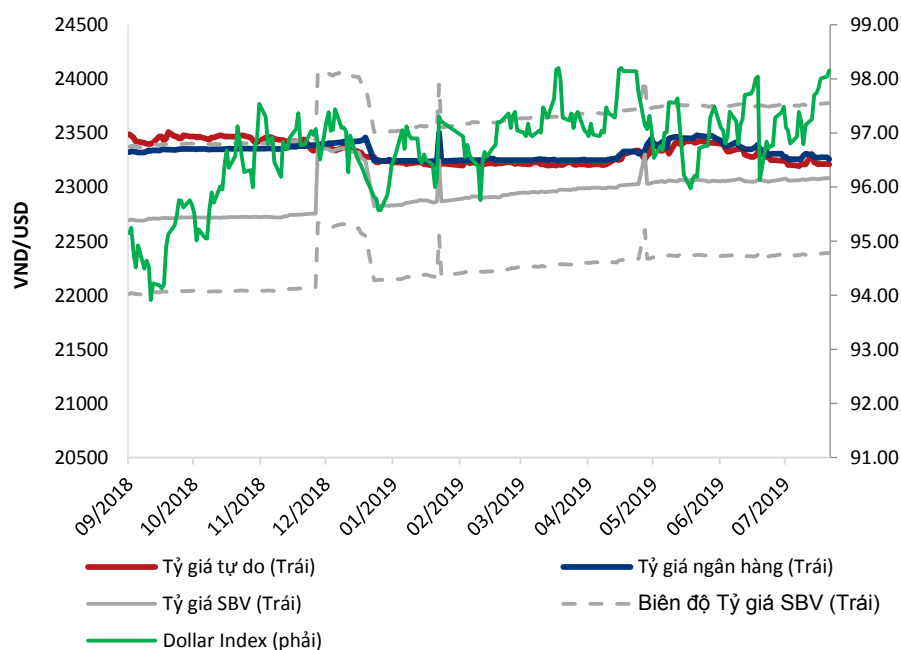
Tỷ giá tự do trong tháng 07 dao động trong khoảng 23,195 – 23,305 VND/USD, giảm nhẹ so với biên độ 23,280 – 23,420 VND/USD trong tháng 06. Mức tỷ giá tự do trung bình trong tháng là 23,372 VND/USD. Ngày 30/07, tỷ giá đang giao dịch tại mức 23,210, giảm -0.3% YTD và -1.0% YoY.

Chỉ số giá USD tháng 07 tăng 2.1% so với cuối tháng 06, và tăng 4.0% so với cùng kỳ năm ngoái. Chỉ số này dao động trong biên độ từ 96.7-98.2 điểm, với mức trung bình tháng đạt 96.7 điểm. Ngày 30/07, chỉ số đạt mức 98.16 điểm.

Việc chỉ số Dollar Index tăng trở lại mức đỉnh cũ là do triển vọng và tốc độ tăng trưởng kinh tế của Mỹ vẫn ở mức ổn định và rõ ràng nhất trên thế giới. Tăng trưởng kinh tế trong quý 2 đạt mức 2.1% ngang với tốc độ tăng trưởng trung bình 19 năm của Mỹ. Lãi suất của Mỹ cũng đang ở mức cao so với các nền kinh tế chủ chốt. Hiện tại, lãi suất ở khắp nơi trên thế giới đang ở mức thấp trong khi kinh tế của nhiều nước vẫn khá trì trệ. Kinh tế Trung Quốc đang chậm lại, trong khi Liên minh châu Âu (EU) đang đứng trước hệ quả không đoan định được khi Anh rời EU (Brexit). ECB đã quyết định giữ nguyên lãi suất ở mức 0% và ngụ ý sẵn sàng cắt giảm lãi suất xuống mức âm, tương tự như các ngân hàng trung ương của Vương quốc Anh và Nhật Bản. Hiện tượng này khiến đồng dollar trở thành tài sản đầu tư khá an toàn khi so sánh với các đồng tiền tệ khác trên thế giới với mức lãi suất hấp dẫn.

Đồ thị 6

Diễn biến tỷ giá



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Ngân hàng - Lãi suất

- Lãi suất liên ngân hàng suy giảm nhẹ ở các kỳ hạn ngắn hạn và đi ngang trong kỳ hạn trung và dài hạn.
- Mặt bằng lãi suất huy động và cho vay trung và dài hạn vẫn ổn định. Lãi suất huy động tại các ngân hàng Việt Nam đã bắt đầu suy giảm vào ngày 01/08 cho doanh nghiệp sau khi FED quyết định hạ mức lãi suất và giảm bớt áp lực lãi suất lên hệ thống tiền tệ toàn cầu.

Lãi suất liên ngân hàng ở mức ngắn hạn giảm nhẹ với thời điểm cuối tháng 06 trong khi duy trì nhịp đi ngang ở mức trung và dài hạn. Hiện tượng này cho thấy nghị quyết thắt chặt vay vốn trung và dài hạn về mức 30% đang có ảnh hưởng khá mạnh lên thị trường OMO. Các ngân hàng đang trong tình trạng dư thừa vốn ngắn hạn trong khi thiếu nguồn vốn dài hạn. Tại ngày 30/07, lãi suất qua đêm, 1 tuần, 1 tháng, 3 tháng, và 6 tháng lần lượt đạt 2.56%, 2.68%, 3.15%, 3.85% và 4.28%.

Ngày 01/08, một loạt các ngân hàng thương mại lớn như VCB, BID, ACB,.. đều bắt đầu hạ mức lãi suất cho các khách hàng doanh nghiệp thuộc lĩnh vực ưu tiên. Hiện tượng này sẽ tạo ra làn sóng hạ lãi suất cho vay của các ngân hàng khác trên thị trường. Đây có thể là tín hiệu nới lỏng lãi suất khi áp lực lãi suất trên thế giới suy giảm nhờ quyết định hạ lãi suất của FED. Nếu FED quyết định cắt giảm lãi suất một lần nữa trong năm thì NHNN Việt Nam hạ mức lãi suất và thúc đẩy chính sách tiền tệ nới lỏng nhằm kích cầu tăng trưởng kinh tế.

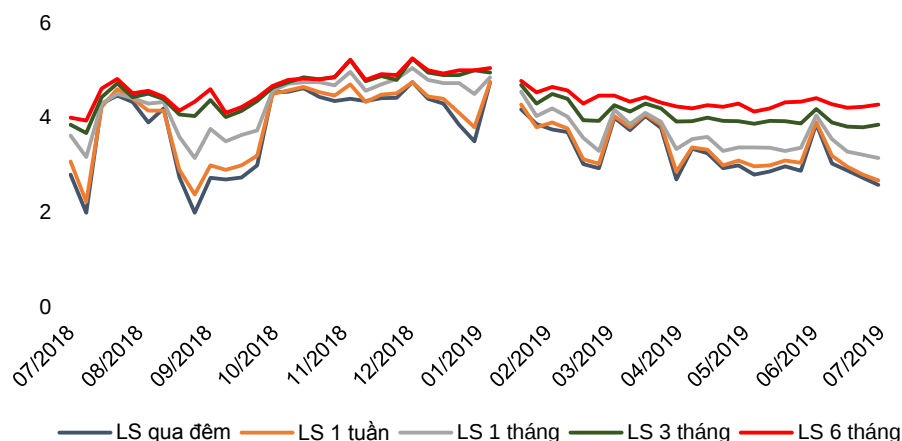
Trong tháng 07, NHNN đã hút ròng 2,000 tỷ đồng trong tuần đầu, hút ròng 13,999 tỷ đồng trong tuần 2, bơm ròng 19,000 tỷ đồng trong tuần thứ 3 và hút ròng 24,000 tỷ đồng vào tuần cuối. Thanh khoản hệ thống liên ngân hàng khá dồi dào khi nguồn dự trữ ngoại hối vẫn lớn và áp lực từ lãi suất bị suy giảm khi FED quyết định hạ mức lãi suất.

Ngày 31/07, mặt bằng lãi suất huy động đồng Việt Nam ở các NHTM nằm ở các mức sau:

- 0.5%-1%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng;
- 4.46%-7.40%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng;
- 5.3%-8.2%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng;
- kỳ hạn trên 12 tháng ở mức 5.7-8.6%/năm.

Lãi suất cho vay đồng Việt Nam phổ biến khoảng 6%-9%/năm đối với ngắn hạn và 9%-11%/năm đối với trung và dài hạn.

Đồ thị 7
Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, BSC Research.

Dự báo vĩ mô tháng 08/2019

Xét trên bình diện quốc tế, kinh tế vĩ mô tháng 08/2019 của Việt Nam có thể bị ảnh hưởng bởi một số tác động sau:

1. Chiến tranh thương mại. Cuộc đàm phán thương mại Mỹ-Trung được nối lại vào cuối tháng 7 với việc Đại diện Thương mại Mỹ Robert Lighthizer và Bộ trưởng ngân khố Mỹ Steven Mnuchin đến Thượng Hải gặp mặt các đại diện Trung Quốc vào ngày 30/7 lần đầu tiên kể từ khi hai bên tạm dừng các biện pháp trả đũa thuế quan sau cuộc gặp của lãnh đạo hai nước tại G20. Vòng đàm phán kết thúc với thái độ hòa hợp giữa hai bên nhưng vẫn chưa có tiến triển gì đáng kể. Hai quốc gia này dự kiến vòng đàm phán tiếp theo sẽ diễn ra vào tháng 9 tới. Nhằm tiếp tục đẩy nhanh tiến độ đàm phán, Tổng thống Trump đe dọa sẽ áp thuế lên 300 tỷ đô hàng hóa Trung Quốc vào mùng 01/09 nhằm buộc Bắc Kinh trở lại vòng đàm phán với thái độ hợp tác hơn. Chiến tranh thương mại đã ảnh hưởng tiêu cực tới lợi nhuận, niềm tin, và đầu tư tại Trung Quốc, góp phần vào sự suy giảm của hoạt động công nghiệp. Chỉ số PMI tăng lên mức 49.7 trong tháng 7, cao hơn mức 49.4 của tháng 6, nhưng vẫn dưới mốc tăng trưởng 50. Đơn hàng xuất khẩu cũng giảm cho tháng thứ mười bốn liên tiếp. Chỉ số sản xuất và xuất khẩu tiêu cực như vậy tăng nỗi lo về suy thoái kinh tế thế giới, nhất là khi các nhà hoạch định chính sách đều đưa ra kế hoạch tăng cường biện pháp nới lỏng tiền tệ như một biện pháp phòng tránh cho các diễn biến tiêu cực từ căng thẳng thương mại quốc tế.

2. Cuộc họp G7 (24-26/08): Quan hệ thương mại giữa Mỹ và Châu Âu sẽ là tâm điểm của hội nghị G7 diễn ra tại Pháp vào cuối tháng 8. Trung tuần tháng 7, Thượng viện Pháp đã phê duyệt mức thuế 3% với doanh thu từ các dịch vụ kỹ thuật số kiếm được tại nước này bởi các công ty có doanh thu trên 25 triệu euro tại Pháp và trên 750 triệu euro trên toàn thế giới. Các nước Châu Âu khác bao gồm Áo, Anh, Ý và Tây Ban Nha cũng công bố kế hoạch cho mức thuế dịch vụ kỹ thuật số của riêng mình. Động thái này nhằm thúc đẩy đề xuất về thuế doanh nghiệp tối thiểu như một phần của việc đại tu chính sách thuế xuyên biên giới được tiến hành bởi Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD). Đối với các nước Châu Âu, động thái này được nhìn nhận như một nỗ lực nhằm vào các công ty đang tránh thuế bằng cách chuyển doanh thu về các nước có mức thuế thấp như Ireland. Đối với Mỹ, động thái này lại được nhìn nhận như một cuộc tấn công nhằm vào các công ty công nghệ của họ. Những diễn biến này càng làm gia tăng căng thẳng thương mại giữa hai bên vốn đã nhen nhóm khi Mỹ muốn áp dụng thuế quan lên 4 tỷ USD hàng hóa từ Châu Âu như một phần của tranh chấp thương mại đã kéo dài 15 năm về việc trợ cấp tài chính cho Airbus và Boeing.

3. Cuộc họp về chính sách tiền tệ của FED (30/07-31/07). Cục Dự trữ Liên bang đã cắt giảm 0.25% lãi suất tại cuộc họp tháng 07 và báo hiệu có thể có một đợt cắt giảm nữa trong năm. Họ cũng sẽ dừng lại việc bán 3.8 nghìn tỷ đô trái phiếu còn lại của họ từ ngày 01/08. Tuy việc cắt giảm phù hợp với mong đợi của thị trường, số lượt cắt giảm lại trái ngược lại mong muốn của nhiều nhà đầu tư và khiến Dow Jones giảm hơn 300 điểm trong phiên. Thị trường kỳ vọng FED sẽ thực hiện một chuỗi cắt giảm liên tiếp thay vì chiến thuật cẩn trọng và chờ đợi như hiện nay. FED đang theo dõi phản ứng thị trường từ các cuộc thảo luận chiến tranh thương mại, sự thay đổi về chính sách của họ và tình hình kinh tế vĩ mô của Mỹ. Nền kinh tế Hoa Kỳ mở rộng với tỷ lệ hàng năm được điều chỉnh theo mùa 2.1% trong quý hai, nổi bật bởi chi tiêu tiêu dùng mạnh mẽ. Tỷ lệ thất nghiệp, ở mức 3.7% trong tháng 6, gần mức thấp nhất nửa thế kỷ. Ngoài ra, thị trường chứng khoán cũng đã đạt mức gần kỷ lục nhờ kỳ vọng vào chính sách cắt giảm lãi suất của Fed. Nhưng một số lĩnh vực của nền kinh tế Hoa Kỳ đang chậm lại, bao gồm cả sản xuất. Lạm phát cơ bản cũng chỉ tăng 1.6% vào tháng 06 giảm từ mục tiêu 2% của FED vào tháng 12, điều này khiến FED khá lo lắng về niềm tin của nền kinh tế vào tương lai. Cuộc họp tiếp theo sẽ diễn ra vào ngày 17-18/09 sẽ là tâm điểm chú ý của thế giới về xu hướng chính sách của FED có chuyển sang định hướng nới lỏng tiền tệ hay không.

4. Mâu thuẫn Hàn Quốc-Nhật Bản: Quan hệ giữa hai nước có thể nói đang ở điểm thấp nhất kể từ khi bình thường hóa từ năm 1965. Căng thẳng thương mại giữa hai nước bắt nguồn từ phán quyết của Tòa án Tối cao Hàn Quốc rằng các Nippon Steel của Nhật Bản phải bồi thường cho những người Hàn Quốc bị buộc phải làm việc cho các nhà máy của Nhật bản trong thời gian Nhật Bản chiếm đóng bán đảo Triều Tiên từ năm 1910 đến năm 1945. Việc Nhật Bản hạn chế xuất khẩu sang Hàn Quốc các vật liệu công nghệ cao sử dụng trong sản

xuất chip và màn hình, với lý do nước này quản lý lỏng lẻo các mặt hàng nhạy cảm, được xem như hành động trả đũa cho phán quyết trên. Cùng với các hạn chế xuất khẩu, Nhật Bản đã phê duyệt quyết định loại bỏ Hàn Quốc khỏi danh sách các quốc gia với hạn chế thương mại tối thiểu sớm nhất vào 01/08/2019. Thủ tướng Nhật Bản Shinzo Abe bỏ ngỏ khả năng gặp Tổng thống Hàn Quốc Moon Jae-in trong Đại hội đồng Liên Hợp Quốc vào tháng 9 và trong nhóm họp ASEAN và APEC vào tháng 11. Tuy nhiên, Hoa Kỳ đã bắt đầu nỗ lực hòa giải quan hệ căng thẳng giữa hai đồng minh Châu Á của mình. Ngoại trưởng Mike Pompeo chuẩn bị gặp các bộ trưởng ngoại giao Nhật Bản và Hàn Quốc tại Bangkok vào thứ Sáu tuần sau (09/08/2019). Căng thẳng thương mại không chỉ làm gián đoạn nguồn cung chip và màn hình từ các công ty công nghệ Hàn Quốc như SK Hynix và Samsung Electronics mà còn tiếp tục gây biến động mạnh lên chuỗi cung ứng toàn cầu đang có những thay đổi mãnh liệt do chiến tranh thương mại Mỹ-Trung.

Đối với tình hình trong nước, các tiêu điểm trong tháng 08/2019 bao gồm những vấn đề sau:

1. Tăng trợ cấp, phụ cấp của người có công với cách mạng. Theo Nghị định 58/2019/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 15/8/2019, mức chuẩn để xác định mức trợ cấp, phụ cấp ưu đãi người có công với cách mạng là 1,624 triệu đồng từ ngày 1/7/2019, cao hơn mức trước đó 109.000 đồng. Cụ thể, với đối tượng thương binh, người hưởng chính sách như thương binh thì trợ cấp tối thiểu 1,094 triệu đồng, tối đa 5,207 triệu đồng. Với thương binh loại B, trợ cấp tối thiểu 904.000 đồng, tối đa 4,308 triệu đồng. Thương binh hay thương binh loại B suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên có vết thương đặc biệt nặng sẽ nhận phụ cấp 1,67 triệu đồng. Mức trợ cấp tối thiểu cho bệnh binh là 1,695 triệu đồng, tối đa 2,086 triệu đồng.

2. Cách chức lãnh đạo bố trí người thân làm kế toán, quản lý nhân sự. Nội dung đáng chú ý này được đề cập tại Nghị định 59/2019/NĐ-CP hướng dẫn Luật Phòng, chống tham nhũng 2018. Theo đó, sẽ kỷ luật cảnh cáo người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị lần đầu có hành vi bố trí vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của mình giữ chức vụ quản lý về tổ chức nhân sự, kế toán, làm thủ quỹ, thủ kho trong cơ quan, tổ chức, đơn vị... Trường hợp đã bị cảnh cáo mà còn tiếp tục vi phạm, người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu sẽ bị cách chức. Nghị định này được Chính phủ ban hành ngày 01/07/2019, có hiệu lực từ ngày 15/08/2019.

3. Lương hưu, trợ cấp BHXH của cán bộ xã tăng hơn 7%. Thông tư 09/2019/TT-BNV và Thông tư 10/2019/TT-BLĐTBXH có hiệu lực lần lượt vào ngày 1 và 15/8, quy định mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hàng tháng của những người thuộc diện sau sẽ tăng 7.19%: Cán bộ, công chức, công nhân, viên chức và người lao động; quân nhân, công an và người làm công tác cơ yếu đang hưởng lương hưu hàng tháng; cán bộ xã, phường, thị

trấn; người đang hưởng trợ cấp mất sức lao động hàng tháng; người đang hưởng trợ cấp hàng tháng; người đang hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hàng tháng.

4. Doanh nghiệp siêu nhỏ được hỗ trợ 100% chi phí tư vấn pháp luật. Theo Nghị định 55/2019/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 24/6/2019 và có hiệu lực từ ngày 16/8/2019, các doanh nghiệp sẽ được hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật với mức như sau:

- Doanh nghiệp siêu nhỏ được hỗ trợ 100% chi phí, nhưng không quá 3 triệu đồng/năm;
- Doanh nghiệp nhỏ được hỗ trợ tối đa 30% chi phí, nhưng không quá 5 triệu đồng/năm;
- Doanh nghiệp vừa được hỗ trợ tối đa 10% chi phí, nhưng không quá 10 triệu đồng/năm...

Nghị định này cũng đề ra việc xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong thời hạn tối đa 5 năm kể từ ngày được phê duyệt.

Bảng 4
Các chỉ tiêu vĩ mô theo tháng

Chỉ tiêu/Tháng	2018M12	2019M01	2019M02	2019M03	2019M04	2019M05	2019M06	2019M07
GDP so với cùng kỳ năm trước (%)	7.31	-	-	6.79	-	-	6.71	-
GDP ytd so với cùng kỳ năm trước (%)	7.08	-	-	6.79	-	-	6.76	-
PMI	53.9	51.9	51.2	51.9	52.5	52	52.5	52.6
IIP so với cùng kỳ năm trước (%)	11.4	7.9	10.3	9.1	9.3	10	9.6	9.7
IIP ytd so với cùng kỳ năm trước (%)	10.2	7.9	9.2	9.2	9.2	9.4	9.1	9.4
Retail Sales so với cùng kỳ năm trước (%)	11.4	12.2	11.5	12.1	12.0	11.4	11.5	12.4
Retail Sales ytd so với cùng kỳ năm trước (%)	11.3	12.2	12.2	12	11.9	11.6	11.5	11.6
CPI so với tháng trước (%)	-0.25	0.10	0.8	-0.21	0.3	0.59	-0.09	0.18
CPI so với cùng kỳ năm trước (%)	2.98	2.56	2.64	2.7	2.93	2.88	2.13	2.44
FDI đăng ký (tỷ USD)	25.58	1.14	3.30	5.12	7.45	9.09	10.37	11.7
FDI giải ngân (tỷ USD)	19.1	1.55	2.58	4.12	5.70	7.30	9.10	10.6
Xuất khẩu (tỷ USD)	19.6	22.0	13.9	22.4	20.4	21.5	21.4	22.6
Nhập khẩu (tỷ USD)	20.4	21.2	14.7	21.8	20.9	22.8	19.5	22.4
Cán cân TM (tỷ USD)	-0.8	0.8	-0.8	0.6	-0.5	-1.3	1.9	0.2
Tỷ giá (VND/USD)	23,351	23,243	23,252	23,245	23,261	23,420	23,404	23,284
Tăng trưởng tín dụng (%)	14	-	-	2.28	-	-	6.09	-

Nguồn: BSC Research

Thị trường chứng khoán tháng 7/2019

Tổng quan thị trường

Trong tháng 7, chỉ số đã có những diễn biến khá tích cực nhờ loạt các thông tin vĩ mô trong và ngoài nước. Việc Trung – Mỹ tái khởi động vòng đàm phán thương mại mới tại Thượng Hải vào cuối tháng 7 cũng như thỏa thuận đạt được giữa các nước OPEC+ về việc gia hạn chính sách sản lượng dầu của nhóm vào đầu tháng là những tin tức khả quan nâng đỡ thị trường. Hành động Fed hạ lãi suất mặc dù nằm trong dự đoán của nhà đầu tư nhưng vẫn có tác động hết sức khả quan lên thị trường chứng khoán Việt Nam. Trong nước, KQKD quý II của các doanh nghiệp lần lượt được công bố cũng khiến cho thị trường có sự phân hóa mạnh mẽ. Theo đó, nhóm cổ phiếu ngành ngân hàng nhờ mức lợi nhuận đột phá đã trở thành trụ cột dẫn dắt chỉ số. VN-Index chính thức tăng 41.7 điểm so với thời điểm cuối tháng trước (+4.39% MoM), (+8.9%YtD) và HNX-Index tăng 0.92 điểm (+0.89% MoM), (+1.51% YtD).

Thanh khoản cải thiện so với tháng 6, dòng tiền tập trung vào nhóm có vốn hóa lớn. Trong tháng 7, sàn HSX có 146 cổ phiếu tăng, 224 cổ phiếu giảm và 9 cổ phiếu không đổi, 5 cổ phiếu hỗ trợ VN-Index gồm VCB tăng 13.76% (góp 10.64 điểm), VHM tăng 11.22% (góp 8.82 điểm), GAS tăng 11.90% (góp 6.57 điểm), VIC tăng 5.45% (góp 6.23 điểm), BID tăng 11.99% (góp 3.84 điểm). Các cổ phiếu khiến VN-Index giảm điểm mạnh nhất gồm MSN giảm -3.61% (giảm -1.03 điểm), HPG giảm -4.04% (giảm -0.78 điểm), POW giảm -7.24% (giảm -0.76 điểm), NVL giảm -3.19% (giảm -0.52 điểm) và HDB giảm -5.64% (giảm -0.45 điểm). Trong tháng 7, 13/18 ngành có mức tăng, mạnh nhất là ngành Bán lẻ.

Bảng 6

Biến động 7 tháng gần nhất trên sàn HOSE

Tháng	Chỉ số	Khối lượng (tỷ đv)	Vốn hóa (nghìn tỷ đồng)
7	959.88	2.6	3,228.55
6	979.64	2.4	3,207.75
5	980.76	3.63	3,211.00
4	965.47	2.52	3,161.18
3	910.65	2.32	2,979.23
2	892.54	2.70	2,875.55

Nguồn: HSX, Bloomberg, BSC Research

Bảng 7

Biến động 7 tháng gần nhất trên sàn HNX

Tháng	Chỉ số	Khối lượng (tỷ đv)	Vốn hóa (nghìn tỷ đồng)
7	104.35	0.7	184.58
6	107.46	0.57	203.10
5	107.44	0.91	200.43
4	105.86	0.54	196.89
3	102.88	0.58	189.74
2	104.33	0.77	192.50

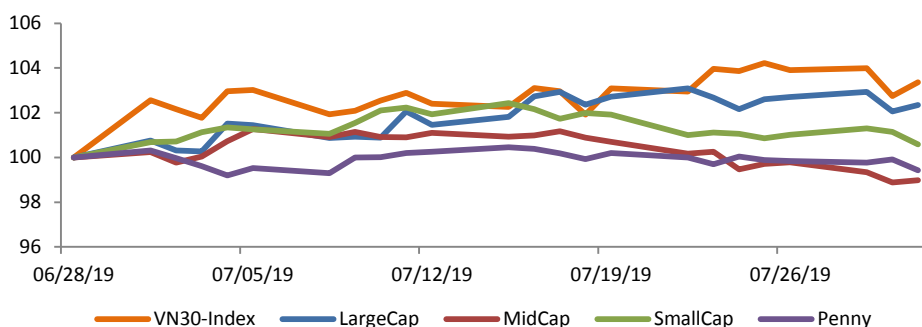
Nguồn: HNX, Bloomberg, BSC Research

Diễn biến nhóm cổ phiếu

Các nhóm cổ phiếu phân theo vốn hóa có diễn biến trái chiều. Trong tháng 7, LargeCap, SmallCap và VN30 là ba nhóm cổ phiếu có hiệu suất tăng trưởng dương với mức tăng lần lượt là 2.35%, 0.59% và 3.37%. Trong khi đó, nhóm Midcap và Pennies có hiệu suất âm với mức giảm lần lượt là -1.02%, -0.58%. Thị trường có sự hồi phục trong tháng vừa qua nhờ tín hiệu tái khởi động đàm phán của Trung – Mỹ cũng như kỳ vọng khả năng cắt giảm lãi suất của Fed vào tuần đầu tháng 8. Những thông tin tích cực trên đã hỗ trợ đà tăng của nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn nhưng lại không trì hoãn được đà giảm của nhóm cổ phiếu vốn hóa vừa và rất nhỏ.

Đồ thị 9

Biến biến của các nhóm cổ phiếu



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Trong tháng 7, thị trường có 13/18 ngành tăng điểm. Trong đó, ngành Bán lẻ tăng mạnh nhất với hiệu suất 11.4% phiếu MWG và DGW với mức tăng lần lượt là 15.09% và 7.18%. Nhóm truyền thông vẫn là nhóm có mức giảm mạnh nhất với hiệu suất -11.9%.

Đồ thị 10

Ngành cấp 2 trong tháng 7 2019



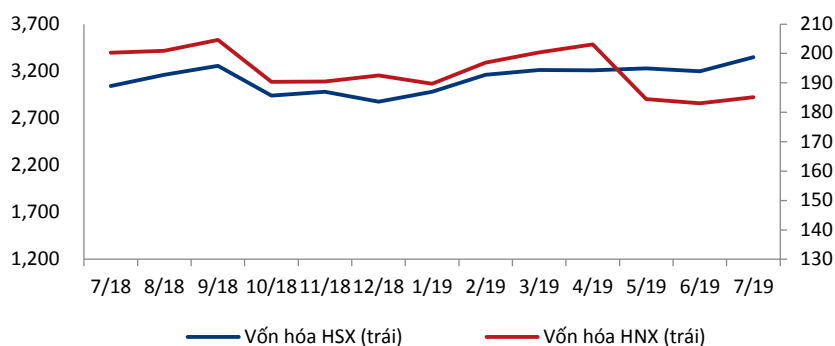
Quy mô vốn hóa

Vốn hóa trên cả 2 sàn HSX và HNX đạt 3,532.86 nghìn tỷ đồng tương đương 151.62 tỷ USD tăng 4.45% MoM, +11.48% YtD. Sàn Upcom tăng nhẹ lên mức 1,016.45 nghìn tỷ cuối tháng 7. Tính trong tháng 7, trên sàn HOSE có 575 triệu cổ phiếu niêm yết bổ sung; 208.65 triệu cổ phiếu niêm yết lần đầu; không có cổ phiếu hủy niêm yết; 10.3 triệu ETF niêm yết bổ sung; 4.5 triệu ETF hủy niêm yết; không có trái phiếu niêm yết lần đầu và 17.8 triệu trái phiếu hủy niêm yết.

Về quy mô niêm yết trên sàn HOSE tại ngày 31/7, sàn đang niêm yết 82.67 tỷ cổ phiếu tương đương 826.74 nghìn tỷ đồng (94.91% giá trị thị trường), 391.42 triệu trái phiếu tương đương 39.14 nghìn tỷ đồng (4.49% giá trị thị trường), 477.7 triệu chứng chỉ ETF tương đương 4.77 nghìn tỷ đồng (0.55% thị trường).

Đồ thị 11

Vốn hóa thị trường

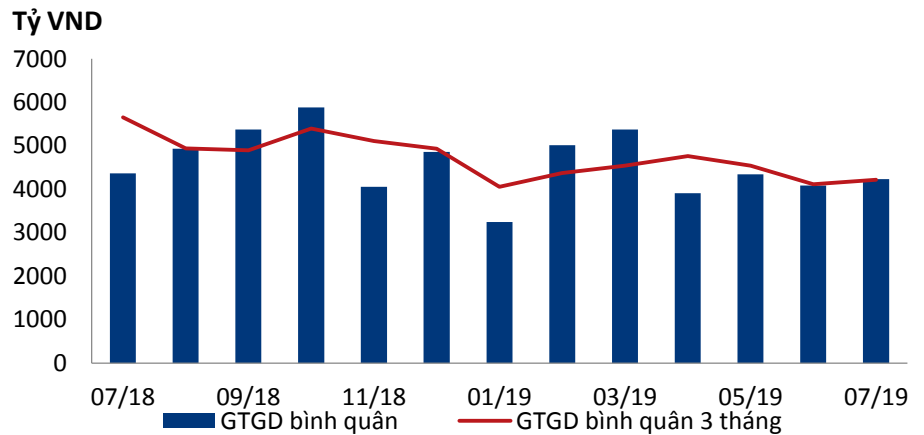


Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Thanh khoản bình quân toàn thị trường

Thanh khoản bình quân trên 2 sàn tăng 2.91% so với tháng 6/2019, và tăng lên mức 4,206 tỷ đồng/ phiên và tương ứng với gần 180.5 triệu USD/phiên. Trong tháng 7, dòng tiền tập trung ở nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn trụ thị trường và nhỏ cũng như các cổ phiếu có triển vọng tốt. Tâm lý cải thiện cùng hoạt động giao dịch tăng trở lại của khối ngoại khiến thanh khoản phục hồi tích cực.

Đồ thị 12
Giá trị giao dịch bình quân

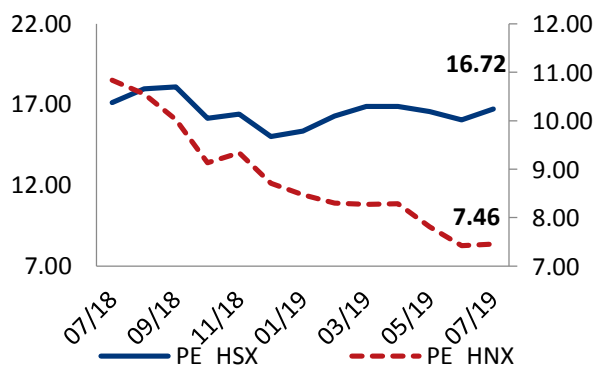


Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mặt bằng giá của TTCK VN

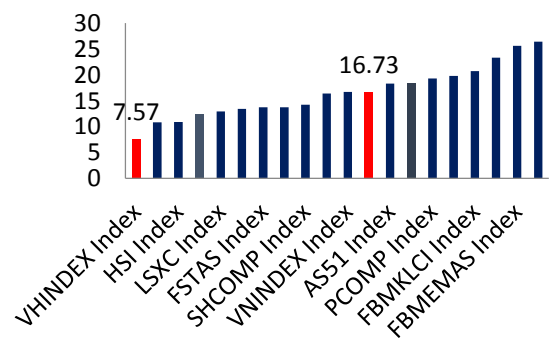
P/E của VN-Index tăng lên mức 16.70 tương ứng +4.19% MoM, +8.77% YtD và HNX-Index tăng nhẹ lên mức 7.57 tương ứng +0.9% MoM, -10.69% YtD. P/E của sàn HSX tăng nhẹ và là tháng cao thứ 2 trong vòng 6 tháng, HNX cũng có mức tăng nhẹ sau 6 tháng giảm liên tiếp. So với tháng 6/2019, P/E của chỉ số VN-Index tụt xuống vị trí thứ 10 và HNX-Index tiếp tục giữ vị trí thứ 20 trong khu vực Châu Á.

Đồ thị 13
Diễn biến chỉ số P/E 2 sàn



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Đồ thị 14
Chỉ số P/E của VN so với các nước trong khu vực



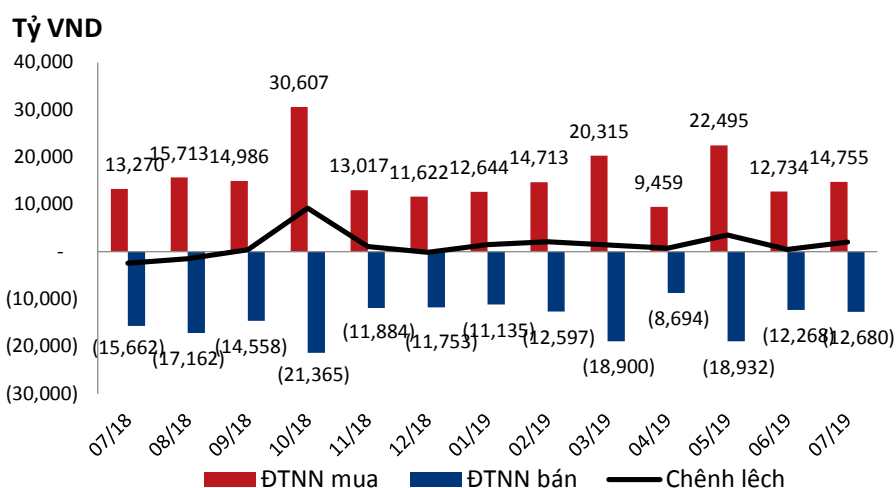
Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Giao dịch của khối ngoại

Trong tháng 7, khối ngoại mua ròng mạnh trên sàn HSX và tiếp tục bán ròng trên HNX. Sàn Upcom trong tháng 5 tiếp tục mua ròng 172.73 tỷ đồng, họ tập trung mua ròng 93.83 tỷ đồng QNS và 50.11 tỷ đồng VTP trong khi bán ròng 31.64 tỷ đồng ACV và 17.68 tỷ đồng HND.

Đồ thị 15

Diễn biến giao dịch khối ĐTNN trên 2 sàn



Nguồn: BSC Research

Trong tháng 7, khối ngoại mua ròng trên sàn HSX 2,245 tỷ đồng với 190 cổ phiếu được mua ròng và 159 cổ phiếu bị bán ròng, bán ròng 170 tỷ đồng trên sàn HNX với 96 cổ phiếu bị bán và 106 cổ phiếu được mua. Trên sàn HSX, khối ngoại mua mạnh các mã PLX (1266.04 tỷ đồng), VCB (435.26 tỷ đồng), VRE (213.9 tỷ đồng), CTD (182.69 tỷ đồng), GAS (145.45 tỷ đồng) và bán các mã HPG (-425.67 tỷ đồng), VNM (-201.94 tỷ đồng), PDR (-95.15 tỷ đồng). Trên sàn HNX, nhóm này tập trung mua VCS (23.81 tỷ đồng), SHB (4.69 tỷ đồng) và bán PVS (-75.35 tỷ đồng), CEO (-73.09 tỷ đồng).

Bảng 8

Tốp 10 cổ phiếu mua bán ròng trên HSX tháng 7

Mã	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Giá trị (tỷ đồng)
PLX	1,266.04	HPG	(425.67)
VCB	435.26	VNM	(201.94)
VRE	213.90	PDR	(95.15)
CTD	182.69	KDH	(94.71)
GAS	145.45	HBC	(81.55)
KBC	142.94	HDB	(74.83)
BID	125.27	PVT	(59.26)
BVH	95.85	MSN	(58.38)
VIC	92.95	STB	(45.66)
HVN	86.24	YEG	(36.63)

Nguồn: BSC Research

Bảng 9

Tốp 10 cổ phiếu mua bán ròng trên HNX tháng 7

Mã	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Giá trị (tỷ đồng)
VCS	23.81	PVS	(75.35)
SHB	4.69	CEO	(73.09)
AMV	3.40	SHS	(14.24)
PVI	3.22	NDN	(12.78)
DGC	3.20	TNG	(10.63)
TIG	2.81	VGS	(8.49)
IDV	1.58	DBC	(5.75)
PSD	1.54	NTP	(4.57)
BCC	0.75	INN	(3.67)
IVS	0.71	DAE	(2.86)

Nguồn: BSC Research

Triển vọng thị trường tháng 8

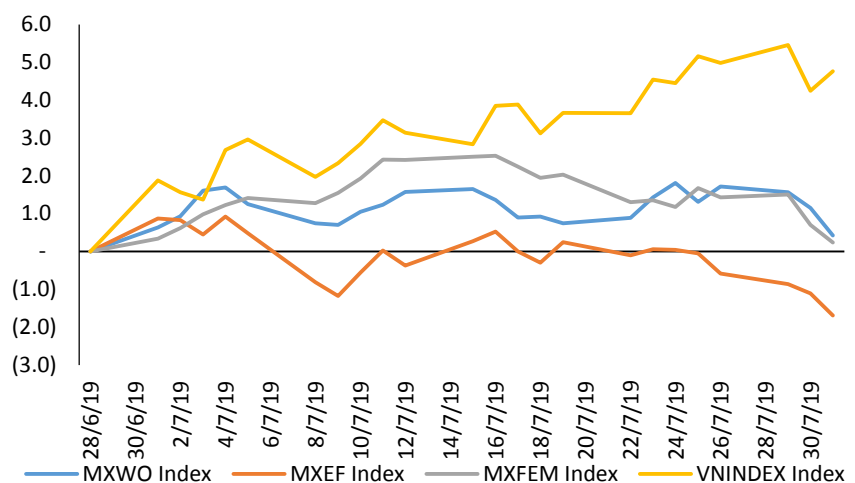
Kinh tế thế giới với các đầu tàu tăng trưởng như Mỹ và Trung Quốc đang có dấu hiệu tăng trưởng chậm lại. Đàm phán thương mại Mỹ - Trung được nối lại và vẫn chưa có những tín hiệu tích cực nào. Những thông tin hỗ trợ nền kinh tế được EU, Mỹ đưa ra và được cụ thể hóa bằng việc FED hạ lãi suất 0.25% điểm cơ bản xuống 2-2.25% đồng thời chấm dứt chương trình giảm số dư trên bảng cân đối kế toán tại cuộc họp chính sách vào cuối tháng 7. Điều này có thể mở đường cho ngân hàng TW các nước tiếp tục theo đuổi chính sách nới lỏng tiền tệ thêm nữa trong những tháng cuối năm.

Diễn biến các thị trường trên thế giới trong tháng 8 và những tháng cuối năm do vậy sẽ giằng co giữa 2 xu hướng là triển vọng không sáng sủa về tăng trưởng kinh tế và động lực tăng giá của các tài sản khi các chính sách tiền tệ được nới lỏng. Bên cạnh đó đàm phán thương mại Mỹ - Trung cùng với nguy cơ xung đột địa chính trị tại Trung Đông sẽ là những yếu tố làm gia tăng tính biến động của các thị trường.

Trên thị trường tiền tệ, USD Index tăng giá 2.5% trong tháng 7, chủ yếu từ sự giảm giá 2.7% của EUR. Triển vọng kinh tế suy yếu và thông tin bất lợi từ Brexit khiến EUR có tháng giảm giá mạnh. Các đồng tiền ở khu vực mới nổi lại có tăng giá so với USD, đáng kể TRY (Turkey) tăng 3.6%, NMY (Myanmar) tăng 1.3% trong khi VND cũng tăng giá 0.4%.

Đồ thị 16

MSCI khu vực phát triển, mới nổi và cận biên tháng 7/2019 (quy đổi USD)



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Ở thị trường hàng hóa, chỉ số BComp Index giảm 0.9%. Các mặt hàng nông sản như Đường (-3%), Đậu tương (-4%), Cà phê (-5.7%) Lúa mì (-7.7%), và Cao su tự nhiên (-8%) đóng góp phần lớn cho mức giảm điểm. Các kim loại như Bạc (+7.6%), Chì (+3.6%) và Thịt heo (+11.5%) là một trong số ít các sản phẩm tăng giá.

Về thị trường chứng khoán, các chỉ số chứng khoán chủ chốt gần như đi ngang sau một chu kỳ tăng giá mạnh. MSCI khu vực phát triển (MXWO) và chỉ số MSCI khu vực cận biên (MXFM) tăng lần lượt 0.42% và 0.23%. Chỉ số MSCI khu vực mới nổi (MXEF) giảm 1.69%.

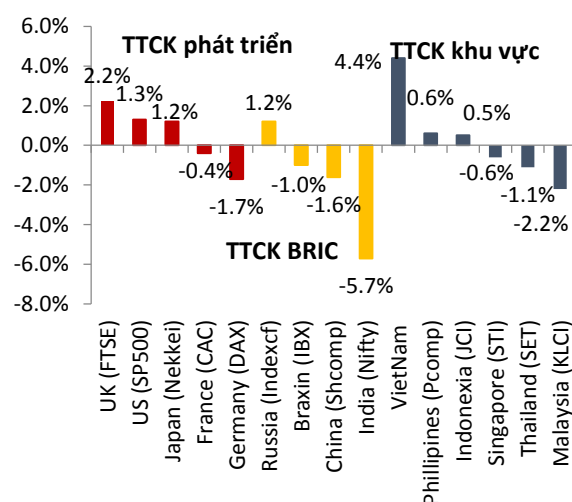
Ở khu vực thị trường phát triển, thị trường Anh sau chuỗi tháng tăng trưởng trì trệ đã dẫn đầu tăng 2.2% do đã có tân thủ tướng mới. Thị trường Đức và Pháp là 2 thị trường giảm duy nhất với giá trị lần lượt -1.7% -0.4%.

Ở khu vực các nước BRIC, thị trường Nga duy nhất tăng 1.2% trong khi Ấn Độ dẫn đầu đà giảm 5.7% khi ghi nhận hoạt động rút vốn mạnh của khối ngoại trước động thái tiếp tục lãi suất của NHTW nước này.

Ở thị trường khu vực, thị trường Việt Nam đã quay lại với mức tăng 4.4% sau khi đã vận động chậm chạp so với các nước khu vực trong vài tháng gần đây. Nửa trong các thị trường khu vực giảm điểm, dẫn đầu là mức giảm 2.2% của thị trường Malaysia. Dòng vốn ngoại cũng đang có dấu hiệu chững và rút ròng nhẹ ở nhiều thị trường khu vực.

Đồ thị 17

Biến động chỉ số CK các quốc gia trong tháng 7



Bảng 10

Khối ngoại mua bán ròng tháng 7 (Mio.USD)

Quốc gia	Tháng 7	7 tháng
India	(1,721)	9,618
Indonesia	(20)	4,826
Japan*	232	(6,861)
Malaysia	(20)	(1,151)
Philippines	81	488
Korea	(69)	6,078
Sri Lanka	41	5
Taiwan	(616)	2,738
Thailand	653	1,971
Pakistan	28	75
Vietnam	95	529

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Những thông tin trái chiều và diễn biến TTCK thế giới không ảnh hưởng đến thị trường trong nước trong tháng 7. VN-Index duy trì đà tăng nhờ hoạt động mua ròng từ khối ngoại với sự xuất hiện của các quỹ ETFs mới tham gia thị trường. VN-Index tăng 41.7 điểm, tương đương 4.4%. Thanh khoản tăng nhẹ, dòng tiền tập trung vào các cổ phiếu hoặc nhóm ngành có KQKD quý II ấn tượng. Bên cạnh đó đã tăng tiếp tục ghi nhận tại nhóm cổ phiếu có liên quan đến bất động sản khu công nghiệp, và nhóm cổ phiếu liên quan Viettel.

Xét về ngành, 13/18 ngành cấp II tăng điểm. Ngành Bán lẻ, Dầu khí và Ngân hàng tăng mạnh nhất lần lượt 11.4%, 7.7% và 7.2%. Các cổ phiếu đầu ngành như MWG, VCB và GAS đều tăng mạnh, đóng góp tỷ trọng lớn cho các ngành tăng điểm. Ở chiều ngược lại, ngành Truyền thông, Tài nguyên cơ bản và Y tế giảm mạnh nhất lần lượt -12%, -4.7% và -3.2%. Kết quả kinh doanh quý II bất

lợi và triển vọng ngành không sáng sủa ảnh hưởng đến một số cổ phiếu chủ chốt trong các ngành giảm điểm.

Xét về mức ảnh hưởng của các cổ phiếu, 5 cổ phiếu dẫn đầu đã tác động tăng 36 điểm gồm VCB (+13.8%, góp 10.6 điểm), VHM (+11.2%, góp 8.8 điểm), GAS (+11.9%, góp 6.6 điểm), VIC (5.5%, góp 6.2 điểm), và BID (+12%, góp 3.8 điểm). Ở chiều ngược lại MSN (-3.6%, góp giảm 1 điểm), HPG (-4%, góp giảm 0.8 điểm), POW (-7.2%, góp giảm 0.8 điểm), NVL (-3.2%, góp giảm 0.5 điểm) và HDB (-5.6%, góp giảm 0.5 điểm) lấy mất của thị trường 3.6 điểm.

Tháng 7, mùa công bố KQKD quý II, chúng tôi tập trung cập nhật báo cáo nhanh 18 mã công ty niêm yết, nâng tổng số công ty cập nhật lên 131 mã tại BSC iBroker ([Link](#)).

Trên cơ sở rà soát những thông tin có ảnh hưởng đến TTCK, những thông tin sau đáng chú ý trong tháng 8:

Kinh tế vĩ mô duy trì ổn định dù vậy các động lực đóng góp tăng trưởng vẫn đang có dấu hiệu chậm lại. Kinh tế vĩ mô duy trì ổn định ở các chỉ tiêu quan trọng. CPI tháng 7 tăng 0.18%, đưa mức CPI 7 tháng đầu năm đạt 2.61% so cùng kỳ, CPI bình quân 7 tháng tăng 2.61% đều là mức thấp trong vài năm gần đây. Giá USD giảm 0.56% tháng 7, giảm 0.27% so với tháng 12 và tăng 1.1% so cùng kỳ năm trước. Lãi suất thị trường liên ngân hàng kỳ hạn ngắn giữ dưới 3%, lãi suất huy động có dấu hiệu tăng ở kỳ hạn trung và dài hạn dù vậy chỉ mang tính cục bộ. Thu ngân sách nhà nước đến 15/7 bằng 55.1% dự toán, thặng dư 51.5 nghìn tỷ.

Dù vậy các động lực đóng góp tăng trưởng vẫn đang có dấu hiệu chậm lại so cùng kỳ: (1) Tốc độ tăng tổng mức bán lẻ hàng hóa dịch vụ tiêu dùng 7 tháng 2019 ở mức 11.6%, giảm 0.4% so với mức tăng cùng kỳ 2018; (2) Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) ước tăng 9.4% so với mức tăng 10.7% cùng kỳ; (3) Tổng số vốn FDI đăng ký cấp mới và vốn tăng thêm giảm 35.6% so cùng kỳ; (4) Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách tăng 3.9% cùng kỳ so với mức tăng 9.7% năm 2018; (5) Tổng kim ngạch XNK tăng 7.5% so cùng kỳ so với mức tăng 13.6% của năm 2018. Cho dù Việt Nam là một trong những nước được hưởng lợi từ cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung, thì sự đi xuống của kinh tế toàn cầu cũng ảnh hưởng đến Việt Nam.

Khi các nước đang bước thực hiện chính sách nới lỏng tiền tệ hỗ trợ kinh tế, những thay đổi trong chính sách điều hành phù hợp với xu hướng chung và đảm bảo cân bằng giữa các cấu khối vĩ mô cũng sẽ sớm định hình trong quý III nhằm hỗ trợ đà tăng của nền kinh tế theo chu kỳ vào quý IV hàng năm. Những điều chỉnh nếu có về chính sách tiền tệ cũng sẽ có tác động đáng kể lên TTCK vào những tháng cuối năm.

Tính đến 31/8, 87% công ty niêm yết trên HSX và HNX công bố KQKD quý II, LNST tăng trưởng 11.9% so cùng kỳ và có sự phân hóa mạnh. 650 công ty trên 2 sàn chính đã công bố KQKD II với tổng giá trị LNST tuyệt đối đạt 54,405 tỷ, tăng 11.9% so cùng kỳ năm 2018. Số lượng công ty có LNST tăng trưởng dương chiếm 51.5% và số công ty công bố có lãi chiếm 89%. Nhóm 5

công ty có giá trị LNST tuyệt đối tăng trưởng lớn nhất gồm VHM (+3,418 tỷ), VCB (+1,434 tỷ), VIC (+1,331 tỷ), VPB (+634 tỷ), và MBB (+353 tỷ). Nhóm 5 công ty có giá trị LNST tuyệt đối giảm mạnh nhất gồm MSN (-1,197 tỷ), HNG (-674 tỷ), HAG (-502 tỷ), CTD (-305 tỷ), và ASM (-281 tỷ).

Xét riêng nhóm cổ phiếu VN30, 28/30 công ty đã công bố KQKD quý II, theo đó giá trị LNST đạt 37,170 tỷ, chiếm 68.2% LNST toàn thị trường, tăng trưởng 19.4% so cùng kỳ. 14/28 công ty có tăng trưởng LNST dương và không có công ty nào thua lỗ.

Xét riêng nhóm cổ phiếu ngân hàng, 14/15 ngân hàng đã công bố KQKD quý II, theo đó giá trị LNST đạt 18,325 tỷ, chiếm 34% LNST toàn thị trường, tăng trưởng 20.8% so cùng kỳ. 4/14 ngân hàng có tăng trưởng LNST dương và không có công ty nào thua lỗ.

Bức tranh lợi nhuận cho thấy nhóm cổ phiếu VN30 và nhóm Ngân hàng đều đang có mức tăng trưởng lợi nhuận trên 20%, vượt xa so mới mức tăng trưởng chung của thị trường là 11.9%. Các công ty còn lại sẽ công bố trong tuần này và nhiều khả năng không làm thay đổi đáng kể kết quả tổng thể. Động lực tăng điểm từ KQKD quý II không còn nhiều và phụ thuộc vào thông tin hỗ trợ khác.

Danh mục thành phần VN30 kỳ II/2019 có hiệu 5/8, các ETFs cũng dữ liệu để rà soát danh mục quý III.

Sở GDCK HCM cập nhật thành phần chỉ số VN30 kỳ II/2019, trong đó BID và BVH sẽ tham gia mới thay thế cho CII và DHG. Tỷ trọng BID và BVH trong VN30 khoảng 0.9% theo tính toán của chúng tôi. Chỉ số có hiệu lực chính thức vào 5/8, hoạt động giao dịch thay đổi tương ứng của các quỹ mô phỏng VN30 sẽ được thực hiện trước thời điểm này.

Tại thời điểm 15/7, quỹ VFMVN30 ETF có quy mô 6,790 tỷ thì hoạt động cơ cấu sẽ diễn ra trước thời điểm chỉ số có hiệu lực. Tăng giảm tỷ trọng các cổ phiếu thành phần xem chi tiết tại **Phụ lục 1**.

Các quỹ ETFs FTSE và VNM cũng sẽ chốt dữ liệu vào cuối tháng 8 để cơ cấu lại danh mục các cổ phiếu định kỳ quý III. Thông thường hiệu ứng biến động giá thường xảy ra từ các kết quả dự báo trước đó. Những cổ phiếu lớn chuyển sang sàn Hose sẽ có cơ hội tham gia các ETFs trong kỳ tới.

Đàm phán thương mại Mỹ - Trung chưa có thông tin đột phá trong cuộc họp cuối tháng 7, chuẩn bị cho vòng sau vào tháng 9. Vòng đàm phán thương mại 30-31/7 tại Trung Quốc được khởi động lại sau 3 tháng ngưng trệ trong bối cảnh xuất hiện nhiều chỉ trích của Tổng thống Mỹ trên tweeter. Những lời chỉ trích Trung Quốc không sẵn lòng mua nông sản Mỹ và tiếp tục lợi dụng nước Mỹ được đưa ra trong khi truyền thông Trung Quốc phủ nhận và nhắc lại quan điểm “nổi lại đàm phán trên cơ sở bình đẳng và tôn trọng lẫn nhau”.

Nhiều nhận định đều cho rằng hội nghị sẽ không có đột phá lớn mà chỉ là hoạt động thăm dò quan điểm của nhau. Vòng đàm phán này được xem như

như là phép thử đánh giá khả năng Trung Quốc tiếp tục đàm phán dựa trên văn bản thỏa thuận phác thảo hồi đầu tháng 5/2019 hay chiến thuật câu giờ sau kỳ bầu cử Tổng thống Mỹ năm 2020 hoặc có thêm đề xuất khác từ phía Trung Quốc. Theo như thông tin từ thông tấn Trung Quốc, 2 bên sẽ tiến hành vòng đàm phán thương mại cấp cao tiếp theo sẽ diễn ra tại Mỹ vào tháng 9 tới. Trong quá trình đàm phán các bên cũng đang tìm các giải pháp tháo gỡ khó khăn về thương mại và xuất khẩu. Điều này cho thấy kỳ vọng đột phá chưa cao và các bên đang sẵn sàng chuẩn bị cho việc đàm phán kéo dài và tính đến cả kịch bản chiến tranh thương mại leo thang.

Thị trường thế giới tháng 7 đang chuyển hướng quan tâm đến chính sách tiền tệ của các nước lớn. Tuy nhiên cuộc chiến thương mại sẽ sớm quay trở lại thành tâm điểm khi những toan tính chính trị khác nhau có thể đẩy cuộc chiến đi xa hơn mức thị trường có thể dự báo.

Bảng 11

Các yếu tố ảnh hưởng đến thị trường trong tháng 8/2019:

Sự kiện	Tác động đến TTCK
Các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô vẫn khá ổn định, có dư địa điều hành chính sách hỗ trợ tăng trưởng.	Tích cực
Ngân hàng nhà nước đã điều chỉnh giảm lãi suất tín phiếu qua đó giảm mặt bằng lãi suất, các NHTM nhà nước giảm lãi suất 0.5% với các lĩnh vực ưu tiên.	Tích cực với các Công ty và dòng tiền trong nước
Nhóm cổ phiếu VN30 và cổ phiếu Ngân hàng có LNST quý II tích cực, tạo nền giá và hỗ trợ thị trường ở nhịp điều chỉnh.	Hỗ trợ thị trường
Thay đổi danh mục thành phần VN30 kỳ II/2019 có hiệu lực từ 5/8. Danh mục dự báo của các ETFs trong kỳ cơ cấu quý III.	Tăng thanh khoản
FED giảm lãi suất 0.25% và chấm dứt chương trình giảm số dư trên bảng cân đối kế toán có thể tạo hiệu ứng tiếp tục nới lỏng tiền tệ ở nhiều quốc gia khác.	Tác động tích lên dòng tiền quốc tế
Thông tin trao đổi các bên chuẩn bị cho vòng đàm phán thương mại Mỹ - Trung tiếp theo vào tháng 9.	Tác động mạnh đến các thị trường và tâm lý NĐT
Các cuộc xung đột địa chính trị, các nguy cơ xung đột vùng vịnh ảnh hưởng đến giá dầu.	Gây xáo trộn, ảnh hưởng cục bộ

Nguồn: BSC Research

VN- Index tăng tốt tiến sát ngưỡng tâm lý 1,000 như nhận định của chúng tôi trong báo cáo quý II. Dòng vốn ngoại từ ETFs, và KQKD quý II là động lực tăng điểm của thị trường. Hiệu ứng từ KQKD quý II giảm dần và thị trường cần yếu tố hỗ trợ mới. Mặc dù VN-Index có cơ hội vượt 1,000 điểm trong tháng 8 nhờ sự vận động của các cổ phiếu lớn, chúng tôi cho rằng các yếu tố hỗ trợ cho sự tăng trưởng bền vững của thị trường đang khá mờ nhạt. VN-Index nhiều khả năng sẽ có đợt điều chỉnh quay về 965 điểm, tạo nền giá và chờ thông tin hỗ trợ. Vùng vận động giá VN-Index tháng 8 từ 965 điểm - 1,015 điểm trong tháng 8.

- Trường hợp tích cực, VN-Index giữ trên 965 điểm ở nhịp điều chỉnh sau khi kiểm tra hoặc vượt 1,000 điểm. Thanh khoản duy trì ở mức yếu.
- Trường hợp tiêu cực, VN-Index có thể giảm dưới 950 điểm nếu có những thông tin bất lợi từ thế giới.

NĐT có thể tham khảo một số chủ đề, và các báo cáo cập nhật trong các tháng:

- Nhóm ngành và cổ phiếu được chúng tôi đánh giá khả quan trong Báo cáo triển vọng Ngành năm 2019 ([Link](#)) và Báo cáo triển vọng ngành quý II ([Link](#));
- Nhóm cổ phiếu cải thiện mạnh và có triển vọng tích cực như Ngân hàng, Bán lẻ, các cổ phiếu đầu ngành;
- Nhóm cổ phiếu hưởng lợi từ hồi phục giá NVL và giá dầu;
- Các cổ phiếu có tính phòng thủ cao như Điện, Công nghệ thông tin – bưu chính, Tiêu dùng bán lẻ có mức tăng trưởng và cổ tức cao;
- Về dài hạn, các cổ phiếu khuyến nghị của BSC sẽ được đề cập trong các Báo cáo chiến lược ngành quý III, các cổ phiếu có chuyển biến tốt được khuyến nghị trong Báo cáo TVĐT hàng tuần ([Link](#)) và Báo cáo cập nhật ngành/doanh nghiệp ([link](#)).

Báo cáo cập nhật danh mục trên i-Invest

Danh mục	Hiệu suất danh mục							
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
Chủ đề	Bảng bao gồm 4 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Ngân hàng	0.19%	-0.59%	4.95%	1.90%	6.14%	1.80%	65.86%	131.43%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.31%	0.04%	2.55%	3.28%	6.90%	7.86%	49.81%	185.47%
Hàng tiêu dùng	0.73%	-0.31%	2.48%	1.90%	7.82%	10.09%	65.25%	215.00%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.98%	0.08%	1.76%	-0.18%	10.36%	4.51%	90.33%	149.88%
Xây dựng	-0.09%	-2.87%	-1.79%	-1.37%	-5.07%	-12.45%	26.05%	84.01%
Chiến tranh thương mại	-0.41%	-3.38%	-4.89%	-1.76%	1.41%	12.07%	13.88%	126.92%
* Note	Kết thúc tháng 7, danh mục Ngân hàng có mức tăng giá ấn tượng +4.95% , vượt trội so với mức tăng giá +2.70% của VNINDEX. Trong khi đó, danh mục Chiến tranh thương mại giảm -4.89%, tuy nhiên, những cổ phiếu trong danh mục đều có triển vọng tích cực.							
Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 6	0.31%	-0.45%	4.20%	6.48%	16.98%	15.70%	100.94%	191.77%
Danh mục 9	0.73%	-0.82%	3.30%	2.40%	7.12%	11.89%	51.47%	134.18%
Danh mục 8	0.26%	-0.06%	3.18%	5.56%	15.60%	12.15%	60.81%	117.09%
Danh mục 11	0.09%	-1.02%	-0.52%	-2.14%	5.82%	5.39%	93.63%	200.03%
Danh mục 3	0.47%	-1.02%	-0.93%	-3.25%	2.81%	-1.21%	29.39%	111.22%
* Note	Nhìn chung tất cả các danh mục đầu tư theo Mục tiêu đều có hiệu suất tháng khả quan . Danh mục 6 tăng +4.2%, ở chiều ngược lại, danh mục 3 giảm nhẹ -0.93%							
Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 24	0.12%	-0.91%	4.67%	4.35%	14.59%	10.58%	64.81%	193.09%
Danh mục 22	0.18%	-0.34%	4.15%	4.49%	11.35%	3.22%	58.68%	172.00%
Danh mục 25	0.92%	-1.86%	4.08%	8.28%	23.64%	37.00%	183.10%	248.91%
Danh mục 20	-0.25%	-1.30%	1.69%	1.80%	3.40%	10.54%	18.60%	175.83%
Danh mục 23	0.47%	-1.17%	1.44%	-0.90%	6.18%	10.07%	119.86%	207.51%
* Note	Đa số các danh mục đầu tư theo Rủi ro đều có mức hiệu suất tháng tích cực . Tất cả các danh mục đều có mức hiệu suất tháng dương, đặc biệt danh mục 24 +4.67%							
INDEX								
VNINDEX	0.57%	0.33%	2.70%	1.34%	9.13%	3.69%	52.04%	66.97%
VN30INDEX	0.60%	-0.47%	0.79%	-1.19%	2.72%	-6.48%	38.18%	39.08%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

Phụ lục 1: Thay đổi tỷ trọng cổ phiếu thành phần VN30 và hoạt động mua bán cơ cấu của quỹ ETF VFMVN30

STT	Mã	Tỷ trọng mới	Tỷ trọng hiện tại	Chênh lệch	CP thay đổi
1	BID	0.9%	0.0%	0.9%	1,777,014
2	BVH	0.9%	0.0%	0.9%	730,628
3	CTD	0.7%	0.8%	0.0%	(16,861)
4	CTG	0.9%	1.0%	-0.1%	(334,750)
5	DPM	0.4%	0.4%	0.0%	(51,517)
6	EIB	3.2%	3.1%	0.1%	284,552
7	FPT	4.0%	4.2%	-0.2%	(259,589)
8	GAS	1.5%	1.7%	-0.2%	(97,624)
9	GMD	1.1%	1.1%	0.0%	(14,958)
10	HDB	3.0%	2.9%	0.1%	376,196
11	HPG	6.3%	5.9%	0.4%	1,299,852
12	MBB	4.3%	4.4%	-0.2%	(484,617)
13	MSN	6.3%	6.1%	0.2%	133,805
14	MWG	4.3%	4.7%	-0.4%	(242,081)
15	NVL	3.6%	3.2%	0.4%	426,382
16	PNJ	2.1%	2.2%	-0.1%	(63,691)
17	REE	0.9%	0.9%	-0.1%	(151,972)
18	ROS	0.8%	0.8%	0.0%	122,904
19	SAB	3.1%	3.3%	-0.2%	(45,551)
20	SBT	0.7%	0.7%	0.0%	11,321
21	SSI	1.2%	1.2%	0.0%	(72,998)
22	STB	3.1%	3.2%	0.0%	(259,268)
23	TCB	7.5%	7.8%	-0.3%	(1,056,870)
24	VCB	3.4%	3.6%	-0.2%	(206,956)
25	VHM	4.6%	4.7%	-0.1%	(122,738)
26	VIC	8.0%	7.9%	0.1%	41,953
27	VJC	5.6%	5.7%	-0.1%	(73,068)
28	VNM	10.0%	9.3%	0.7%	406,820
29	VPB	5.2%	5.5%	-0.2%	(792,873)
30	VRE	2.4%	2.6%	-0.2%	(340,962)

Nguồn: BSC research

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<https://www.bsc.com.vn>
<https://www.facebook.com/BIDVSecurities>

Bloomberg: BSCV <GO>

